

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Võ Lâm Sơn;
 2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 366/2022/TLST-HNGĐ Ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2022/QĐXXST-HNGĐ Ngày 17 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 225A/2022/QĐST-HNGĐ Ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 12, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 12, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày, do tự tìm hiểu, bà P và ông H kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào Ngày 27/7/2004. Trong thời gian chung sống,

vợ chồng có sinh 02 con chung tên Bùi Thị Yến N, sinh năm 1998 đã thành niên, Bùi Thị Yến Ng, sinh Ngý 29/9/2008. Hiện tại, cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân; cháu Ng đang được bà P nuôi dưỡng.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; do cháu N đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 01, Ngý 27/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị P (bản sao); trích lục giấy khai sinh số 276/TLKS-BS, số 174 Ngý 27/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho Bùi Thị Yến N (bản sao); giấy khai sinh số 285/2013, quyền số 01/2013, Ngý 28/10/2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho Bùi Thị Yến Ng (bản sao).

- Bị đơn ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà P và ông H kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu

thuần không giải quyết được và không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông H. Bà P, ông H không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, do cháu N đã thành niên nên đề nghị không đề cập giải quyết. Đối với các cháu Ng đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cháu Ng cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Ng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H; bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bùi Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà P và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không giải quyết được và không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà P và ông H thường xuyên cãi vã và không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông H nhưng ông H không có ý kiến phản đối yêu

cầu ly hôn của bà P. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà P, ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung Bùi Thị Yên N, sinh năm 1998, Bùi Thị Yên Ng, sinh Ng 29/9/2008. Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu N; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng.

Xét thấy, cháu N đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà P không yêu cầu xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu N nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Ng, cháu đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến Ng 17/5/2022 do cán bộ Tòa án lập, cháu Ng có nguyện vọng được sống cùng bà P trong trường hợp bà P, ông H ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu Ng phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Ng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ng 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Bùi Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, Ng 27/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Do cháu Bùi Thị Yến N đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Yến N.

- Bà Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Bùi Thị Yến Ng, sinh Ngý 29/9/2008. Ông Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Bùi Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010463 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp Ngý 06 tháng 4 năm 2022; bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

Ông Bùi Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm của bà Nguyễn Thị P, ông Bùi Văn H được tính là 15 Ngý kể từ Ngý bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy